

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST.

Ngày 24/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa;

Ông Nguyễn Văn Tính.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Danh Đồi - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 650/2021/TLST-HS ngày 21/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7314/2021/QĐXXST-HS ngày 21/12/2021 và Thông báo số 218/TB-TA ngày 07/01/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Lê Bình N** (tên gọi khác: H), sinh năm 1985 tại Thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Phụ bán tạp hóa; Trình độ học vấn: 8/12. Cha tên Hoàng Vĩnh T; Mẹ tên Lê Thị Kim T1; vợ, con; Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại Hậu Giang và đi học đến lớp 8 nghỉ. Năm 1995, cùng gia đình đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhiều nơi, không cố định và làm thuê. Sau khi gây án năm 2003, chuyển đến sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 2016 trở lại Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thuê ở nhiều nơi không cố định. Đến năm 2020, chuyển về ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang phụ bán tạp hóa tại shop H. Đến ngày 25/02/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bắt theo quyết định truy nã. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/02/2021 tại Trại tạm giam C - Công an Thành phố H, (có mặt).

- ***Người bị hại:*** Bà Nguyễn Thị Trúc H1, sinh năm 1964; địa chỉ: A B, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

+ Cháu Mai Thị Kim T2, sinh năm 1990; địa chỉ: 3 T, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 02/6/2003, Hoàng Lê Bình N (Hỗ) cùng Thạch Thị Ngọc C, Nguyễn Thị Thu H2, Lê Võ T3 (T3 bánh tét), Nguyễn Chí B, Mạch Kim T4, Nguyễn Thị Kim H3 (Ú), Vũ Thị Thu H4, Nguyễn Văn N1 và một số đối tượng khác, gồm: T3 (bon), M, B1, B, P, H5 (chưa xác định lai lịch) tụ tập ăn uống tại dốc cầu M thuộc Quận D. Lúc này, chị Nguyễn Thị Trúc H1 cũng đến khu vực cầu M để tìm bạn. Ngay lúc đó, Thu H2 phát hiện trong người H1 có điện thoại di động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thu Hồng rời chỗ ăn uống tiến đến kêu chị H1 đưa điện thoại di động, thấy vậy chị H1 bỏ chạy thì Kim H3 (Ú) đuổi theo kéo chị H1 lại rồi dùng tay đánh vào đầu chị H1. C chạy đến dùng dao dím vào cổ chị H1 buộc chị H1 đứng yên để Thu H2 lục túi chị H1 lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 (trị giá 1.100.000 đồng). Trong khi H2, C và Ú cướp điện thoại di động của H1 thì N và các đồng phạm ngồi ở chỗ ăn uống cách đó khoảng 03 mét nhìn thấy nhưng không có phản ứng gì.

Sau khi lấy được điện thoại của chị H1, Thu H2 đưa cho cả nhóm xem và đưa cho T3 (bánh tét), B1 để tháo sim ném xuống sông. Sau đó, Thu H2, Kim H3 và T3 (bánh tét) nói cả nhóm giải tán, hẹn tập trung tại công viên Q để chờ bán điện thoại vừa cướp được chia tiền tiêu xài nên cả nhóm đồng ý và cùng di chuyển đến công viên Q. Trên đường đi, do chị H1 đuổi theo tri hô nên T4 và N1 bị người dân và Công an P1, Quận D bắt giữ. Tại công viên Q, cả nhóm ngồi chờ đến 07 giờ ngày 02/6/2021 thì H3 và B1 đem điện thoại đi bán được 500.000 đồng (không xác định được địa điểm bán). Do lo sợ bị công an bắt, Thu H2, C, T3 (bánh tét), B, Ú, N, H4, M cùng bàn bạc, rủ nhau đến nhà dì của Thu H2 tại Quận A để trốn, chia tiền bán điện thoại để tiêu xài. Cả nhóm ở tại Quận A được một ngày thì có T3 (bon) cùng đến nhưng cả nhóm đã tiêu xài gần hết tiền nên cùng nhau bàn bạc lừa lấy xe Wave Alpha của anh Mai L (nơi cư trú số G, Đường số A, Phường D, Quận D) - là anh họ của Nguyễn Thị Ngọc T5 (đối tượng cùng nhóm) cả nhóm cùng đồng ý.

Đến tối ngày 03/6/2003, Thu H2 và C từ Quận A đi về Quận D để thực hiện ý định trên. Thu H2 và C hẹn T5 tại quán P2 (Đường số A, Phường D, Quận D) khi gặp T5 thì Thu H2 và C bảo T5 rủ em Mai Thị Kim T2 (sinh năm 1990) là con của anh Mai L lấy xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 52Z3-2516 của anh L (trị giá

13.800.000 đồng) chở Thu H2 và C qua Quận G lấy đồ. Em T2 tưởng thật nên đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/6/2003, em T2 lấy xe trên giao cho T6 Hồng điều khiển chở C, T5 và em T2 cùng đi Quận G. Tuy nhiên, khi chạy đến một quán sữa gần chùa K thuộc Phường F, Quận D thì Thu H2, C nói với em T2 xuống xe ngồi đợi để Thu H2 và C đi qua Quận G lấy đồ sẽ quay lại. Để em T2 tin tưởng, Thu H2 đã đưa cho em T2 8.000 đồng để mua nước uống. Sau đó, T6 Hồng điều khiển xe chở C, T5 đi đến Quận A. Trên đường đi, Thu H2 và C nói cho T5 biết ý định chiếm đoạt xe và rủ T5 cùng thực hiện thì T5 đồng ý. Khi đến Quận A gặp cả nhóm, Thu H2 giao xe cho T3 (bánh tét) và B để đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. T3 (bánh tét) và B chạy xe đến đường X khu vực Quận A bán cho một người chạy xe ôm (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng nhưng khi về thì T3 (bánh tét) và B nói lại cho cả nhóm biết chỉ bán được xe là 1.500.000 đồng và giấu lại 500.000 đồng để T3 (bánh tét) và B chia nhau. Số tiền 1.500.000 đồng, T3 (bánh tét) và B đưa cho Thu H2 giữ để trả tiền thuê nhà và tiêu xài cho cả nhóm. Sau đó, Thu H2 chia tiền bán xe cho mỗi người trong nhóm được 100.000 đồng rồi cả nhóm cùng nhau bỏ trốn.

Ngày 03/6/2003, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q khởi tố vụ án. Các bị cáo Thạch Thị Ngọc C, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Thu H2, Lê Võ T3, Nguyễn Chí B, Vũ Thị Thu H4 bị xét xử về các tội “Cướp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Mạch Kim T4 bị xét xử về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 619/2005/HSST ngày 20/4/2005. Riêng Hoàng Lê Bình N bị truy nã từ ngày 01/12/2003 và bị bắt vào ngày 25/02/2021. Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Lê Bình N khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 619/2005/HSST ngày 20/4/2005 nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 294/CT-VKS-P2 ngày 28/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng Lê Bình N về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bị cáo Hoàng Lê Bình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá

trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Lê Bình N phạm tội “Cướp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo N phạm tội có tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm i khoản 1 Điều 52 và có tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù giam về tội “Cướp tài sản” và từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp của hai tội danh là từ 09 (chín) đến 11 (mười một) năm tù giam. Về tang vật và trách nhiệm dân sự đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 619/2005/HSST ngày 20/4/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo N không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận bản luận tội đối với bị cáo là có cơ sở và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng, để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào kết quả xét hỏi, thẩm tra cho thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án và phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, tại khu vực cầu M (Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh), ngày 02/6/2003, bị cáo Hoàng Lê Bình N

cùng các đối tượng Thạch Thị Ngọc C, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Chí B, Lê Võ T3, Vũ Thị Thu H4 và Mạch Kim T4 có hành vi không chế, dùng dao đe dọa chị Nguyễn Thị Trúc H1 cướp điện thoại di động N2 3310 trị giá 1.100.000 đồng. Sau đó, ngày 03/6/2003, các bị cáo trên dùng thủ đoạn gian dối lừa em Mai Thị Kim T2 (sinh năm 1990) chiếm đoạt xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 52Z3-2516 trị giá 13.800.000 đồng mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Đối với tội danh “Cướp tài sản”, bị cáo N là một trong những đối tượng ngồi tại bàn nhậu, biết rõ đồng bọn đang sử dụng vũ lực, hung khí tấn công bị hại (chị H1) ngay trước mặt mình nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn đồng tình. Do đó, đây được xem là trường hợp hỗ trợ, giúp sức về mặt tinh thần cho đồng bọn thực hiện tội phạm. Mặt khác, sau khi chiếm đoạt được tài sản thì bị cáo cũng như các đồng phạm khác đã cùng nhau đi tiêu thụ tài sản và cùng nhau tiêu xài số tiền vừa chiếm đoạt được. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng con dao để không chế bị hại, do đó được xem là tình tiết “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”.

Đối với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo N đã cùng các bị cáo khác bàn bạc và tìm cách lừa lấy chiếc xe máy của anh Mai L. Sau đó, khi chiếm đoạt được chiếc xe máy Wave Alpha của em Mai Thị Kim T2 (con anh Mai L), N cùng các bị cáo khác bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Các bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất, câu kết chặt chẽ để cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó được xem là tình tiết “Có tổ chức”.

Như vậy, với mục đích và động cơ cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài, bị cáo N và các đối tượng khác đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản, hành vi phạm tội đã hoàn thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Lê Bình N đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp “Sử dụng vũ khí” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Có tổ chức” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 và điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có tuổi đời còn trẻ, sức khỏe bình thường, nhưng lười lao động nên đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bất hợp pháp, lấy tài sản chiếm đoạt được nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân của bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức

án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhằm đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 03/6/2003), người bị hại là em Mai Thị Kim T2 (sinh năm 1990) chưa đủ 16 tuổi, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cùng với nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Xét thấy, vật chứng và trách nhiệm dân sự đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 619/2005/HSST ngày 20/4/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Hoàng Lê Bình N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm a khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Lê Bình N** phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Lê Bình N 07 (bảy) năm tù giam về tội “Cướp tài sản” và 02 (hai) năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt phải chấp hành là 09 (chín) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2021.

- Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Quyết định tạm giam bị cáo Hoàng Lê Bình N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Hoàng Lê Bình N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo Hoàng Lê Bình N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Thi hành án hình sự TAND TP.HCM;
- Trại giam; Bị cáo; Người bị hại;
- Phòng PC53 – Công an TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường T, Quận X, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**



Nguyễn Mai Trâm